

SỞ Y TẾ

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /SYT-NV
V/v đề nghị đăng dự thảo Kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt lên trang Thông tin điện tử của Tỉnh

Bình Phước, ngày tháng 4 năm 2024

KHẨN

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh.

Hiện nay, Sở Y tế được UBND tỉnh giao tham mưu biên soạn Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Vào ngày 02/4/2024, UBND tỉnh đã có Công văn số 1204/UBND-KGVX về việc xin ý kiến dự thảo Kế hoạch xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh gửi Bộ Y tế.

Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 6 Thông tư số 26/2019/TT-BKHCN ngày 25/12/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật có quy định: “Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi dự thảo kế hoạch đến bộ phận quản lý chuyên ngành và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan để lấy ý kiến, thông báo về việc lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử, hoặc tạp chí, ấn phẩm chính thức của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố hoặc cơ quan tham mưu, giúp việc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý khoa học và công nghệ trên địa bàn. Thời gian lấy ý kiến về dự thảo ít nhất 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày gửi dự thảo đi lấy ý kiến”.

Để đảm bảo thực hiện đúng quy định, Sở Y tế kính đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh đăng dự thảo Kế hoạch của UBND tỉnh xây dựng Quy chuẩn

kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bình Phước lên trang thông tin điện tử của Tỉnh.

Kính đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông xem xét, đăng tải.

(Sở Y tế xin gửi kèm: Dự thảo Kế hoạch của UBND tỉnh về xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bình Phước)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Giám đốc Sở Y tế;
- Các Phó Giám đốc SYT;
- Các Phòng chức năng SYT;
- Lưu VT - NV(T03.4).

GIÁM ĐỐC

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /KH-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

KẾ HOẠCH

Xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Thông tư số 41/2018/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 26/2019/TT-BKHCN ngày 25/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 10/2023/TT-BKHCN ngày 01/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2019/TT-BKHCN ngày 25/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật,

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bình Phước (QCĐP) như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Góp phần từng bước hoàn thiện Quy chuẩn kỹ thuật địa phương và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt áp dụng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Các cơ quan quản lý nhà nước về thanh tra, kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch, các phòng thử nghiệm và các tổ chức chứng nhận các thông số chất lượng nước thực hiện Quy chuẩn này trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm sự phù hợp với quy định tại các Thông tư hướng dẫn của Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ về quy chuẩn kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

- Quy chuẩn được xây dựng đáp ứng yêu cầu bảo vệ sức khỏe cộng đồng và phù hợp với điều kiện thực tế nguồn nước và hiện trạng cấp nước của địa phương.

II. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Từ tháng 4 đến hết tháng 12 năm 2024.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG QCĐP

1. Thành lập Ban soạn thảo xây dựng QCĐP

UBND tỉnh ban hành Quyết định thành lập Ban soạn thảo và Tổ thư ký xây dựng QCĐP.

2. Biên soạn dự thảo QCĐP

2.1. Chuẩn bị biên soạn dự thảo

- Thu thập, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự án xây dựng QCĐP.

- Khảo sát, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước và mức độ rủi ro liên quan đến đối tượng quản lý và nội dung chính của dự án xây dựng QCĐP.

- Tổ chức nghiên cứu thông tin, tư liệu có liên quan đến dự án xây dựng QCĐP.

- Chuẩn bị và thông qua đề cương chi tiết triển khai dự án xây dựng QCĐP kèm theo khung nội dung dự thảo QCĐP.

- Công tác khác có liên quan.

2.2. Triển khai biên soạn dự thảo QCĐP

- Biên soạn dự thảo trên cơ sở khung nội dung dự thảo đã được Ban soạn thảo thống nhất và viết thuyết minh.

- Tổng hợp, nghiên cứu tài liệu kỹ thuật; đánh giá thực trạng, tiến hành lấy mẫu phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm, áp dụng thử (nếu có) để xác định các mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật; phân tích, đánh giá mức độ rủi ro của đối tượng quản lý để xác định phương thức quản lý phù hợp trong dự thảo QCĐP.

- Tổ chức hội thảo chuyên đề với sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, chuyên gia liên quan (ưu tiên mời các hiệp hội, ngành hàng, doanh nghiệp, người dân,... là những đối tượng chịu tác động trực tiếp của quy chuẩn kỹ thuật) để minh bạch thông tin, lấy ý kiến góp ý đối với dự thảo QCĐP.

- Nghiên cứu, tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa dự thảo, trình Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét và gửi lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

3. Lấy ý kiến và hoàn chỉnh dự thảo QCĐP

3.1. UBND tỉnh tổ chức xem xét hồ sơ, gửi dự thảo QCĐP đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan để lấy ý kiến và gửi dự thảo đến cơ quan thông báo và điểm hỏi đáp của địa phương (Sở Khoa học và Công nghệ) để xác định sự cần thiết phải thông báo cho WTO theo quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BKHHCN ngày 29/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định hoạt động, phối hợp trong mạng lưới các cơ quan thông báo và điểm hỏi đáp và ban liên ngành về hàng rào kỹ thuật trong thương mại; đồng thời, thông báo về việc lấy ý kiến QCĐP trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và Trang thông tin điện tử của Sở Y tế.

Thời gian lấy ý kiến đối với dự thảo là 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày gửi dự thảo lấy ý kiến.

3.2. Trên cơ sở ý kiến góp ý, Ban soạn thảo hoàn chỉnh lại dự thảo QCĐP, lập hồ sơ dự thảo QCĐP theo quy định, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3.3. UBND tỉnh tổ chức thẩm tra hồ sơ dự thảo QCĐP để xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ dự thảo QCĐP theo quy định và chuyển hồ sơ dự thảo QCĐP kèm theo biên bản thẩm tra đến Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ để tổ chức xem xét, cho ý kiến.

4. Xem xét, cho ý kiến về việc ban hành QCĐP

Hồ sơ dự thảo QCĐP gồm:

- Quyết định hoặc công văn giao nhiệm vụ xây dựng dự thảo QCĐP cho Sở Y tế kèm theo dự án xây dựng QCĐP đã được phê duyệt;
- Báo cáo quá trình xây dựng dự thảo QCĐP của Sở Y tế;
- Dự thảo QCĐP, kèm theo thuyết minh; bản sao tài liệu gốc được sử dụng làm căn cứ để xây dựng dự thảo QCĐP và các tài liệu tham khảo khác;
- Danh sách cơ quan được gửi dự thảo để lấy ý kiến; bản tổng hợp và tiếp thu ý kiến góp ý kèm theo văn bản góp ý;
- Ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ về quy định quản lý trong dự thảo QCĐP, bảo đảm không tạo ra rào cản kỹ thuật không cần thiết đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, thương mại;
- Biên bản thẩm tra hồ sơ;
- Công văn đề nghị Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ cho ý kiến đối với dự thảo QCĐP.

5. Ban hành QCĐP

5.1. Trường hợp Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến đồng ý với việc ban hành QCĐP, UBND tỉnh ban hành QCĐP.

5.2. Trường hợp Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến không đồng ý với việc ban hành QCĐP, Ban soạn thảo tổ chức nghiên cứu, xem xét các ý kiến không nhất trí để xử lý, chỉnh lý dự thảo, lập lại hồ sơ dự thảo QCĐP và gửi lấy ý kiến lại của Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

UBND tỉnh ban hành QCĐP sau khi có ý kiến đồng ý của Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn ngân sách nhà nước.
2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân khác.
3. Các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định thành lập Ban soạn thảo và Quy chế hoạt động của Ban soạn thảo xây dựng QCĐP (thành phần cụ thể giao Sở Y tế chủ trì, thống nhất với các đơn vị liên quan, đảm bảo theo đúng hướng dẫn của Bộ Y tế).

- Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan thu thập, hội cứu số liệu về chất lượng nước các nguồn nước (kết quả xét nghiệm các nguồn nước) sử dụng cung cấp sinh hoạt trên địa bàn tỉnh trong 05 năm (từ 2019 - 2023);

- Tổng hợp, báo cáo về các chỉ tiêu xét nghiệm để đánh giá chất lượng các nguồn nước trên địa bàn tỉnh và các chỉ tiêu thu thập liên quan trong 05 năm (từ 2019 - 2023).

- Kiểm tra và lấy mẫu nước xét nghiệm để đánh giá chất lượng các loại nguồn nước theo từng khu vực trên địa bàn tỉnh để có số liệu tổng quát về thực trạng chất lượng nước sinh hoạt.

- Tổ chức các buổi Hội thảo xin ý kiến các sở, ngành, đơn vị, chuyên gia lĩnh vực liên quan về QCĐP; xin ý kiến Bộ Y tế, Viện Y tế công cộng góp ý cho QCĐP.

- Phối hợp với Tổ soạn thảo chỉnh sửa các ý kiến góp ý của Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ, hoàn thiện QCĐP, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt theo quy định.

- Làm đầu mối theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan xây dựng QCĐP theo đúng nội dung Kế hoạch đề ra.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với Sở Y tế trong quá trình xây dựng QCĐP.

- Tham gia nghiên cứu, đóng góp ý kiến và đề xuất các nội dung có liên quan đến dự thảo QCĐP.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Cung cấp, tổng hợp số liệu về quan trắc chất lượng môi trường nước lưu vực sông và nước ngầm trên địa bàn tỉnh trong 05 năm (từ 2019 - 2023). Phối hợp với Sở Y tế thực hiện các nội dung Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ của ngành; hỗ trợ Sở Y tế thực hiện soạn thảo QCĐP theo đúng quy định.

- Tham gia xây dựng QCĐP.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Cung cấp thông tin về loại hình sản xuất nông nghiệp (chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, trồng lúa/cây lương thực...), hình thức sử dụng thuốc trừ sâu, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật,... trên địa bàn, đặc biệt tập trung ở những khu vực hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh khai thác nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trong 05 năm (từ 2019 - 2023).

- Cung cấp thông tin về các loại hóa chất bảo vệ thực vật, phân bón, thuốc trừ sâu (gồm cả thành phần) được phép sử dụng trên địa bàn tỉnh.

- Tham gia xây dựng QCĐP.

5. Sở Xây dựng

- Cung cấp thông tin về các đơn vị cấp nước thuộc quản lý của Sở Xây dựng trong 05 năm (từ 2019 - 2023), gửi Sở Y tế tổng hợp.

- Tham gia xây dựng QCĐP.

6. Sở Tài chính

- Trên cơ sở dự toán do Sở Y tế xây dựng, thẩm định và tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện; đồng thời, quyết toán theo quy định.

- Tham gia xây dựng QCĐP.

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với Sở Y tế trong quá trình khảo sát, điều tra, đánh giá, thu thập số liệu và góp ý cho bản QCĐP.

8. Sở Tư pháp

Tổ chức thẩm định dự thảo QCĐP đảm bảo chất lượng, nội dung, hình thức dự thảo trước khi trình UBND tỉnh xem xét, ban hành.

9. Sở Công Thương

Phối hợp tham gia xây dựng QCĐP.

10. Các đơn vị cấp nước

Cung cấp số liệu, tài liệu có liên quan đến chất lượng nước nguồn và nước thành phẩm cho Ban soạn thảo khi có yêu cầu; tham gia đóng góp ý kiến soạn QCĐP.

11. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Chỉ đạo các đơn vị liên quan: Phòng Nông nghiệp, Trung tâm Y tế,... điều tra, đánh giá tổng hợp số liệu kết quả xét nghiệm mẫu nước của các công trình cấp nước tập trung và của hộ gia đình trên địa bàn trong 05 năm (từ 2019 - 2023) và gửi báo cáo về Sở Y tế để tổng hợp.

- Đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng QCĐP, gửi Sở Y tế để hoàn thiện việc ban hành QCĐP.

- Phối hợp với Sở Y tế tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch theo thẩm quyền; triển khai Kế hoạch lồng ghép với các hoạt động vệ sinh môi trường, sử dụng nước sạch theo quy chuẩn của Bộ Y tế vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của địa phương.

UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, phản ánh về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

(Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 18/01/2021 của UBND tỉnh xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bình Phước)./.

Nơi nhận:

- Các Bộ: Y tế, KH&CN;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu VT, P.KGVX.

CHỦ TỊCH

Phụ lục I
NỘI DUNG KẾ HOẠCH XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh Bình Phước)

TT	Lĩnh vực, đối tượng QCDP	Tên QCDP	Cơ quan, tổ chức biên soạn QCDP	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến (đồng)			Cơ quan, tổ chức đề nghị
				Bắt đầu	Kết thúc	Tổng số	NSNN	Nguồn khác	
1	<p>- Lĩnh vực: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.</p> <p>- Đối tượng: Quy chuẩn này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân thực hiện một phần hoặc tất cả các hoạt động khai thác, sản xuất, truyền dẫn, buôn bán, bán lẻ nước sạch theo hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh</p>	Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bình Phước	Sở Y tế	4/2024	12/2024	1.217.651.000	1.217.651.000	0	Sở Y tế

PHỤ LỤC II
DỰ ÁN XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG
VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Bình Phước)*

1. Tên gọi quy chuẩn kỹ thuật: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bình Phước (QCĐP).

2. Phạm vi và đối tượng áp dụng của QCĐP

+ **Phạm vi điều chỉnh:** Quy chuẩn này quy định mức giới hạn các thông số chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

+ **Đối tượng áp dụng:**

Quy chuẩn này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân thực hiện một phần hoặc tất cả các hoạt động khai thác, sản xuất, truyền dẫn, buôn bán, bán lẻ nước sạch theo hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh (sau đây gọi tắt là đơn vị cấp nước); các cơ quan quản lý nhà nước về thanh tra, kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch; các phòng thử nghiệm và các tổ chức chứng nhận các thông số chất lượng nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Quy chuẩn này không áp dụng đối với nước uống trực tiếp tại vòi, nước đóng bình, đóng chai, nước khoáng thiên nhiên đóng bình, đóng chai, nước sản xuất ra từ các bình lọc nước, hệ thống lọc nước và các loại nước không dùng cho mục đích sinh hoạt.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị

- Tên cơ quan: Sở Y tế tỉnh Bình Phước

- Địa chỉ: Quốc lộ 14, phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Điện thoại: 02713. 889 096. Email: vp.syt@binhphuoc.gov.vn

- Tên cơ quan chủ quản: UBND tỉnh Bình Phước.

4. Tình hình quản lý đối tượng QCĐP hoặc đối tượng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng tại địa phương

- Đối tượng quy chuẩn kỹ thuật là:

Sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình đặc thù của địa phương

- Tên Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quản lý đối tượng trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật dự kiến ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Bộ Y tế.

- Tình hình quản lý cụ thể đối tượng quy chuẩn kỹ thuật:

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Bình Phước có 36 cơ sở cấp nước tập trung (Trong đó: 08 cơ sở có công suất thiết kế $1.000m^3/ngày$ đêm trở lên) và 28 Trạm cấp nước nông thôn có công suất thiết kế $< 1.000m^3/ngày$ đêm. Cung cấp nước ăn uống, sinh hoạt cho 49.500/281.272 hộ dân trên địa bàn tỉnh đang hoạt động phân bố trên hầu hết huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh, chủ yếu khai thác nguồn nước ngầm và nước bề mặt.

Từ trước đến nay, việc quản lý, kiểm tra, giám sát chất lượng nước của các cơ sở cấp nước này tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống (QCVN 01:2009/BYT) theo Thông tư số 04/2009/TT-BYT ngày 17/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt (QCVN 02:2009/BYT) theo Thông tư số 05/2009/TT-BYT ngày 17/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế, tùy theo quy mô cung cấp của các đơn vị cấp nước. Ngày 14/12/2018, Bộ trưởng Bộ Y tế đã ban hành Thông tư số 41/2018/TT-BYT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt; Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của thông tư số 41/2018/TT-BYT, trong đó quy định UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

5. Lý do và mục đích xây dựng QCĐP

- Quy chuẩn kỹ thuật nhằm đáp ứng những mục tiêu quản lý sau đây:

- + Đảm bảo an toàn
- + Đảm bảo vệ sinh, sức khỏe
- + Bảo vệ môi trường
- + Bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia
- + Bảo vệ động, thực vật
- + Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

- QCĐP dùng để chứng nhận hoặc công bố hợp quy

- Căn cứ nội dung quản lý nhà nước có liên quan: Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế; Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Thông tư số 41/2018/TT-BYT quy định UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Để ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, UBND tỉnh Bình Phước chỉ đạo Sở Y tế phối hợp Sở Khoa học và công nghệ và các sở, ngành, đơn vị liên quan lập Dự án xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương trình phê duyệt. Sở Y tế giao Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Phước tổng hợp, báo cáo thống kê kết quả xét nghiệm chất lượng nước sạch của các đơn vị liên quan. Kết quả cụ thể như sau:

Theo kết quả phân tích mẫu nước của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Phước (Hợp đồng xét nghiệm mẫu nước cho các nhà máy nước và trạm cấp nước trên địa bàn tỉnh) xét nghiệm 14 chỉ tiêu (pH, độ đục, màu sắc, mùi vị, clo dư, clorua, Nitrit, Nitrat, sắt tổng, độ cứng, sulfat, chất hữu cơ, coliform, E.coli) trong đó có 6 chỉ tiêu thường xuyên không đạt tiêu chuẩn quy định bao gồm: **pH, Độ đục, E.coli, Coliform, Clo dư, màu sắc**. Kết quả quan trắc định kỳ chất lượng nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2019-2023 (báo cáo của Chi cục Thủy lợi và phòng, chống lụt bão tỉnh Bình Phước), các chỉ tiêu thường xuyên không đạt bao gồm: **pH, độ đục, pecmanganat, Mangan, vi sinh, sắt**. Những chỉ tiêu này sẽ được đề xuất đưa vào quy chuẩn kỹ thuật địa phương của tỉnh Bình Phước. Các chỉ tiêu còn lại theo QCVN 01-1 sẽ được lựa chọn dựa trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát của Dự án sau khi được phê duyệt.

- Đến nay, hầu hết các nhà máy nước, trạm cấp nước trên địa bàn tỉnh chưa xét nghiệm tất cả các chỉ tiêu theo quy định của QCVN 01-1 (trừ Chi nhánh cấp nước Chơn Thành thuộc Công ty CP - Tổng công ty Nước - Môi trường Bình Dương; Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước - Nhà máy nước Đồng Xoài; Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước - Trung tâm Vận hành và Quản lý chất lượng nước thị xã Phước Long). Vì thế, để ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương được chính xác, cần tiến hành khảo sát đánh giá chất lượng nguồn nước từ nguồn nước nguyên liệu (nước mặt, nước ngầm) theo từng vùng, khu vực trên địa bàn; đồng thời, xét nghiệm tất cả các chỉ tiêu nước sạch của các nhà máy nước theo QCVN 01-1, sau đó sẽ tiến hành rà soát lựa chọn những chỉ tiêu đặc trưng vượt tiêu chuẩn cho phép đưa vào Quy chuẩn kỹ thuật địa phương phù hợp điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng, địa chất, đặc thù của vùng đất Bình Phước. Vì vậy, việc ban hành QCĐP là rất cần thiết trong công tác kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch, đảm bảo cung cấp nguồn nước chất lượng, an toàn sức khỏe cho người dân sử dụng và giảm chi phí xét nghiệm.

6. Loại quy chuẩn kỹ thuật

- + Quy chuẩn kỹ thuật chung
- + Quy chuẩn kỹ thuật an toàn
- + Quy chuẩn kỹ thuật môi trường

7. Những vấn đề sẽ quy định trong QCĐP

- Những vấn đề sẽ quy định (hoặc sửa đổi, bổ sung):

+ Yêu cầu về an toàn, vệ sinh trong sản xuất, khai thác, chế biến sản phẩm, hàng hóa đặc thù

+ Yêu cầu về an toàn, vệ sinh trong bảo quản, vận hành, vận chuyển, sử dụng, bảo trì sản phẩm, hàng hóa đặc thù

+ An toàn trong dịch vụ môi trường

+ An toàn, vệ sinh trong các lĩnh vực khác thuộc lĩnh vực được phân công (Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt)

- Bố cục, nội dung các phần chính của quy chuẩn kỹ thuật dự kiến:

- **Chương I:** Quy định chung, gồm 3 điều

+ Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

+ Điều 2: Đối tượng áp dụng

+ Điều 3: Giải thích từ ngữ

- **Chương II:** Quy định về kỹ thuật, gồm 4 điều

+ Điều 4: Danh mục các thông số chất lượng nước và ngưỡng giới hạn cho phép

+ Điều 5: Thử nghiệm các thông số chất lượng nước sạch

+ Điều 6: Số lượng và vị trí lấy mẫu thử nghiệm

+ Điều 7: Phương pháp lấy mẫu và phương pháp thử

- **Chương III:** Quy định về quản lý

+ Điều 8: Công bố hợp quy

- **Chương IV:** Tổ chức thực hiện, gồm 2 điều

+ Điều 9: Trách nhiệm tổ chức thực hiện

+ Điều 10: Quy định chuyển tiếp

- Nhu cầu khảo nghiệm quy chuẩn kỹ thuật trong thực tế: Có

Khảo sát, đánh giá chất lượng nước làm cơ sở cho việc lựa chọn các chỉ tiêu chất lượng nước để xây dựng QCDP

+ **Phương pháp chọn mẫu**

* Dựa vào nguồn nước

Trên địa bàn tỉnh Bình Phước có 2 loại nguồn nước chủ yếu được khai thác là: nước dưới đất (nước ngầm) và nước mặt.

- Nước mặt: Hầu hết các nhà máy các công suất trên 1.000 m³/ngày đêm sử dụng nguồn nước mặt từ các hồ chứa trên địa bàn tỉnh.
- Nước ngầm: Gồm có nước ngầm tầng sâu (giếng khoan) và nước ngầm tầng nông (giếng đào).

* Dựa vào công suất nhà máy

- Đối với các trạm cấp nước có công suất ≥ 1.000 m³/ngày đêm thì chọn 100% số mẫu và lấy mẫu nước nguồn và nước thành phẩm. Tiến hành đánh giá công tác giám sát chất lượng, việc áp dụng công nghệ xử lý phù hợp, công tác vận hành thiết bị xử lý nước của các trạm cấp nước.

- Đối với các trạm cấp nước có công suất < 1.000 m³/ngày đêm thì chọn một số mẫu chủ đích là các trạm có số hộ dân sử dụng nhiều nhất ở các xã đại diện; lấy mẫu nước nguồn và nước thành phẩm. Tiến hành đánh giá công tác giám sát chất lượng, việc áp dụng công nghệ xử lý phù hợp, công tác vận hành thiết bị xử lý nước của các trạm cấp nước.

* Để đảm bảo địa bàn nghiên cứu mang tính đại diện, nguồn nước đa dạng, vùng phân bố trải đều trên địa bàn tỉnh, các cơ sở sau đây sẽ được lựa chọn lấy mẫu:

TT	Địa bàn	Tên nhà máy nước/trạm cấp nước	Công suất thiết kế (m³/ngày đêm)	Ghi chú
1	Thành phố Đồng Xoài	Nhà máy nước Đồng Xoài	30.000	
2	Thị xã Phước Long	Nhà máy nước Phước Long	6.400	
3	Thị xã Bình Long	Nhà máy nước Bình Long	4.200	
4	Huyện Chơn Thành	Xí nghiệp cấp nước Chơn Thành	30.000	
5	Huyện Đồng Phú	Nhà máy nước Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	2.400	
		Trạm cấp nước xã Tân Lập	1.280	
6	Huyện Phú Riềng	Nhà máy nước Công ty Cao	3.000	

		su Phú Riêng		
7	Huyện Lộc Ninh	Trạm cấp nước Hồ Rừng Cẩm	2.000	
8	Huyện Bù Đăng	Trạm cấp nước thị trấn Đức Phong	2.000	
9	Huyện Hớn Quản	Trạm cấp nước sinh hoạt tập trung xã An Khương	1.200	
		Trạm cấp nước xã Minh Đức	375	Nước ngầm
10	Huyện Bù Gia Mập	Trạm cấp nước Bù Rên	390	
		Trạm cấp nước thôn Bù Gia Phúc	320	Nước ngầm
11	Huyện Bù Đốp	Trạm cấp nước xã Tân Thành	334	Nước ngầm
		Trạm cấp nước Thanh Bình	1.025	

○ Số mẫu nước thành phẩm lấy xét nghiệm: 15 mẫu/đợt x 02 đợt = 30 mẫu.

○ Số mẫu nước nguồn (nước mặt) lấy xét nghiệm: 12 mẫu/đợt x 02 đợt = 24 mẫu.

○ Số mẫu nước nguồn (nước ngầm) lấy xét nghiệm: 03 mẫu/đợt x 02 đợt = 06 mẫu.

Tổng số mẫu nước lấy làm xét nghiệm: 60 mẫu.

+ Phương pháp thực hiện

○ Xét nghiệm các mẫu nước nguồn (nước mặt: xét nghiệm 40 chỉ tiêu của QCVN 08: 2023/BTNMT; nước ngầm: xét nghiệm 41 chỉ tiêu của QCVN 09: 2023/BTNMT); xét nghiệm nước thành phẩm theo 99 chỉ tiêu của QCVN 01-1:2018/BYT. Kết quả xét nghiệm mẫu nước là cơ sở khoa học để loại trừ và lựa chọn những chỉ tiêu thường xuyên xuất hiện nhất đưa vào Quy chuẩn.

○ Xem xét công tác nội kiểm, ngoại kiểm và quy trình vận hành hệ thống xử lý nước để xác định các yếu tố có thể ảnh hưởng đến chất lượng nước. Tổng hợp, đánh giá sự phù hợp và khả năng vận hành, xử lý các công nghệ xử lý nước được các nhà máy nước, trạm cấp nước sử dụng trên địa bàn tỉnh.

○ Đối với nước thành phẩm: Xây dựng đường chuẩn, tính toán trung bình và độ lệch chuẩn của 99 chỉ tiêu mức A, B theo QCVN 01-1:2018/BYT. So sánh với ngưỡng giới hạn cho phép của 99 chỉ tiêu mức B trong QCVN 01-1:2018/BYT xem có sự khác biệt nào có ý nghĩa thống kê.

8. Phương thức thực hiện và tài liệu làm căn cứ xây dựng QCĐP

- + Xây dựng QCĐP trên cơ sở tiêu chuẩn
- + Xây dựng QCĐP trên cơ sở tham khảo tài liệu, dữ liệu khác
- + Xây dựng QCĐP kết hợp tiêu chuẩn và tham khảo các tài liệu, dữ liệu
- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật:
 - + Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006;
 - + Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;
 - + Nghị định số 167/2009/NĐ-CP ngày 03/8/2009 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
 - + Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;
 - + Thông tư số 26/2019/TT-BKHHCN ngày 25/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật;
 - + Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập;
 - + Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
 - + Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Thông tư số 41/2018/TT-BYT;
 - + Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật;
 - + Quyết định 815/QĐ-BTC ngày 03/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020 của Bộ trưởng Bộ

Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật;

+ Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia;

+ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

+ Thông tư số 01/2023/TT-BTNMT ngày 13/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh.

+ QCVN 09: 2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

+ QCVN 08: 2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước bề mặt.

+ QCVN 01-1: 2018/TT-BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

+ Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của HĐND tỉnh Bình Phước quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

+ Công văn số 518/UBND-KGVX ngày 05/3/2019 của UBND tỉnh Bình Phước về việc triển khai thực hiện Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế;

9. Kiến nghị Ban soạn thảo QCĐP

- Cơ quan, tổ chức biên soạn QCĐP: Sở Y tế Bình Phước.

- Ban soạn thảo QCĐP:

- + Sở Y tế
- + Sở Khoa học và Công nghệ
- + Sở Tài chính
- + Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- + Sở Tài nguyên và Môi trường
- + Sở Xây dựng
- + Sở Công Thương
- + Sở Tư pháp
- + Sở Kế hoạch và Đầu tư
- + Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh

- + Công ty Cổ phần cấp thoát nước Bình Phước: 01 đại diện
- + Công ty CP - Tổng công ty Nước - Môi trường Bình Dương: 01 đại diện.

10. Cơ quan phối hợp xây dựng QCĐP

- Dự kiến cơ quan, tổ chức phối hợp xây dựng dự thảo QCĐP: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Tư pháp, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Phước, Công ty Cổ phần cấp thoát nước Bình Phước, Công ty Cổ phần - Tổng công ty Nước - Môi trường Bình Dương;

- Dự kiến cơ quan quản lý có liên quan bắt buộc phải lấy ý kiến về dự thảo QCĐP: Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Dự kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân cần lấy ý kiến về dự thảo QCĐP: Sở khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước, Công ty Cổ phần - Tổng công ty Nước - Môi trường Bình Dương, Viện Y tế công cộng thành phố Hồ Chí Minh, các tổ chức hoạt động lĩnh vực nước sạch trên địa bàn tỉnh.

11. Dự kiến tiến độ thực hiện

TT	Nội dung công việc	Thời gian	
		Bắt đầu	Kết thúc
1.	Chuẩn bị biên soạn dự thảo QCĐP	4/2024	4/2024
2.	Biên soạn dự thảo QCĐP - Lấy ý kiến chuyên gia - Khảo nghiệm dự thảo (nếu có) - Hoàn chỉnh dự thảo và lập hồ sơ dự thảo QCĐP	4/2024	06/2024
3.	Tổ chức thông báo và lấy ý kiến rộng rãi	06-09/2024	
4.	Tổ chức Hội nghị chuyên đề		

5.	Hoàn chỉnh, lập hồ sơ dự thảo QCĐP trình duyệt	
6.	Thẩm định hồ sơ dự thảo QCĐP trình duyệt	09-11/2024
7.	Ban hành QCĐP	12/2024

12. Dự toán kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí dự kiến: **1.217.651.000** đồng (*Một tỷ, hai trăm mười bảy triệu, sáu trăm năm mươi một nghìn đồng*).